TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN Đ **Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 23/HS-ST

Ngày: 23/8/2019 **NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Sinh

2. Bà Võ Thị Kim Chi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký TAND huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông A Ting Tốc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/HSST/2019/TLST- HS ngày 09/7/2019 đối với các bị cáo:

1)Võ Thanh L, sinh năm 1988 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; trú tại thôn An Tân, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: không; con ông Võ Thanh Sơn, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị Hà, sinh năm 1959, cùng trú tại thôn An Tân, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáoVõ Thanh L bị áp dụng biện pháp: "Cấm đi khỏi nơi cư trú" kể từ ngày 26/4/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Linh: Ông Nguyễn Hữu Cũng Luật sư của Văn phòng luật sư Quang Minh thuộc đoàn luật sư tỉnh QuảngNam; có mặt

2) Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 tại xã C, huyện Đ; nơi cư trú thôn Thanh Vân, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; trình độ học vấn 9/12; nghề nghiệp thợ sửa xe máy; con ông Nguyễn Bốn, sinh năm 1952, và bà Nguyễn Thị Nữ, sinh năm 1954 cùng trú tại thôn Thanh Vân, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ Nguyễn Thị Minh Yến, sinh năm 1981; nghề nghiệp cán bộ.

Bị cáo có 02 (hai) con, con lớn nhất sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2009,
Tiền án - tiền sự không có

Bị cáo Nguyễn Văn T bị áp dụng biện pháp: "Cấm đi khỏi nơi cư trú" kể từ ngày 26/4/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; trú tại thôn An Tân, xãĐ H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Nam Nhật, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 26, phường Hòa , quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

2. Bà Trần Thị Hương Giang, sinh năm 1980, trú tại xã Trường , huyện Đức , tỉnh Hà Tỉnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Vào trưa ngày 04/12/2018,Võ Thanh L đi bộ từ nhà xuống bến xe Đại L huyện Đ, tỉnh Quảng Nam để đón xe buýt xuống thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đ. KhiVõ Thanh L đi đến đường trước ngõ nhà bà Nguyễn Thị L tại thôn An Tân, xãĐ H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, Linh phát hiện trong sân nhà bà Nguyễn Thị L có một chiếc xe môtô biển số 38H2-0847 nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc dựng giữa sân nhà, có chìa khóa điện cắm sẵn trên ổ khóa xe *(xe của bà Lựu mua lại nhưng chưa sang tên đổi chủ)* nên nảy sinh ý định trộm cắp xe để bán lấy tiền tiêu xài. L đi vào sân nhà quan sát không thấy ai ở nhà nên dắt xe môtô biển số 38H2-0847 ra đường và nổ máy điều khiển xe đến xã Đại Minh, huyện Đ để nhậu. Tối cùng ngày, L đến nhà người quen tại xã C ngủ lại qua đêm. Chiều ngày 05/12/2018, L điều khiển xe máy trên đến tiệm sửa xe của Nguyễn Văn T ở thôn Thanh Vân, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam gạ bán xe cho Nguyễn Văn T với giá tiền 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*. T hỏi giấy tờ xe đâu thì L nói là xe của L và bị mất giấy tờ. T biết xe do phạm tội mà có nhưng vẫn trả giá mua với giá tiền là 400.000 đồng *(Bốn trăm nghìn đồng)* thì L đồng ý bán. T đưa cho L số tiền 400.000 đồng *(Bốn trăm nghìn đồng)* và nhận xe, L sử dụng tiền bán xe vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 20/12/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ làm việc vớiVõ Thanh L, L khai nhận hành vi trộm cắp tài sản xe môtô biển số 38H2-0847 và khai nơi bán xe tại quán nhà Nguyễn Văn T. Cơ quan CSĐT tiến hành tạm giữ xe môtô biển số 38H2-0847 tại quán nhà Nguyễn Văn T.

Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) xe môtô biển số 38H2-0847 nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter, vành tăm, màu sơn: Xám bạc; số máy: 49296; số khung: 049296, đã qua sử dụng.

Theo Công văn số 42/HĐĐGTSTTTHS ngày 27/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ về việc kết luận tổng giá trị 01 (một) xe môtô biển số 38H2-0847 bị trộm cắp nêu trên là 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng).*

Quá trình điều tra, nhận thấyVõ Thanh L có dấu hiệu mắc bệnh về tâm thần, ngày 05/3/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Quyết định Trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối vớiVõ Thanh L.

Ngày 22/4/2019 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung có công văn số 61/PYTT-PKHTH trả lời về việc giải thích kết luận giám địnhVõ Thanh L: "Võ Thanh L mặc dù hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nhưng vẫn chịu trách nhiệm hình sự".

Về phần dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản của mình là 01 (một) xe môtô biển số 38H2-0847 nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc. Tại bản trình bày ngày 20/6/2019 (bút lục số 57) bà L không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà đề nghị Tòa án buộc bị cáo Lphải bồi thường số tiền 9.000.000 đồng do mất thu nhập trong thời gian 01 tháng bị bị cáo L trộm cắp xe không có phương tiện đi làm ăn.

Tại bản cáo trạng số 21/CT- VKS ngày 08 tháng 7 năm 2019 của viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáoVõ Thanh L về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Nguyễn Văn T về tội 'Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo L và T. Phân tích tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân cũng như các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s, điểm i, điểm h; điểm q khoản 1 Điều 51 Điều 36 Bộ luật hình sự 2015, tuyên phạt bị cáoVõ Thanh L từ 30 tháng đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Truy thu số tiền 400.000 đồng do bị cáo L thu lợi bất chính mà có.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323, điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T 6 (Sáu) tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản của mình là 01 (một) xe môtô biển số 38H2-0847 nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc và không yêu cầu gì về chiếc xe.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáoVõ Thanh L và bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã nêu.

Bị cáoVõ Thanh L nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là sai trái, do say xỉn mà trộm cắp tài sản, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo do thấy xe bán rẻ mua, thấy hành vi của bị cáo là sai, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Phân tích hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có người nào, có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Vào trưa ngày 04/12/2018, bị cáoVõ Thanh L lén lút vào sân nhà bà Nguyễn Thị L trộm cắp chiếc xe môtô biển số 38H2-0847 nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc. Đến chiều ngày 05/12/2018,Võ Thanh L điều khiển xe môtô biển số 38H2-0847 đến gạ bán xe cho bị cáo Nguyễn Văn T với giá tiền 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*. Qua trao đổi, bị cáoT biết chiếc xe môtô biển số 38H2-0847 là không hợp pháp nhưng vẫn mua với giá tiền là 400.000 đồng *(Bốn trăm nghìn đồng)*. Theo kết quả định giá 01 (một) xe môtô biển số 38H2-0847 có giá trị vào thời điểm bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định bị cáoVõ Thanh L phạm tội "trộm cắp tài sản" Khoản 1 Điều 173 và bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét về năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi thì thấy các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, nhưng do lười lao động, ham chơi, tham lam, bị cáo L đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, lấy tiền tiêu xài. Bị cáo T do thấy xe giá rẻ, không có giấy tờ nhưng vẫn mua. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó cần phải xử lý

nghiêm đối với các bị cáo, để có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h, i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáoVõ Thanh L có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình nên còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Điểm q Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Võ Thanh L và Nguyễn Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Truy thu số tiền 400.000 đồng bị cáo L bán chiếc xe trộm cắp nêu trên, do thu lợi bất chính mà có.

[4] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản của mình là 01 (một) xe môtô biển số 38H2-0847 nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc, tại hồ sơ không có yêu cầu gì thêm. Tại đơn đề nghị xử vắng mặt có yêu cầu nêu trên. Xét đơn yêu cầu của bà L, Hội đồng xét xử, xét thấy bà L chưa cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. nên để bà Nguyễn Thị Lựu được quyền khởi kiện dân sự đối bị cáoVõ Thanh L về yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị mất thu nhập trong thời gian bị mất xe, khi bà Lựu có chứng cứ.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáoVõ Thanh L và Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáoVõ Thanh L phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm i, điểm s, điểm q khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáoVõ Thanh L 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáoVõ Thanh L cho Ủy ban nhân dân xãĐ H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Truy thu số tiền 400.000 đồng bị cáoVõ Thanh L, thu lợi bất chính mà có.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323, điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.Thời gian thử thách là 01 (môt) năm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam quản lý giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Lựu được quyền khởi kiện dân sự đối bị cáoVõ Thanh L về yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị mất thu nhập trong thời gian bị mất xe, khi có chứng cứ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáoVõ Thanh L và bị cáo Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đại Lộc;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Chi cục THADS huyện Đại Lộc;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Triệu